



Yên Bái, ngày tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018

KẾ HOẠCH SXKD 2019

A. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018

Căn cứ vào phương án sản xuất kinh doanh năm 2018. Căn cứ tình hình thực tế về thị trường và nhu cầu sử dụng sản phẩm của các khách hàng, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khoáng sản Yên Bái VPG (sau đây gọi tắt là Công ty YVG) báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2018 với những nội dung chính sau đây.

I. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	TH 2017	Năm 2018			TH 2018 so với TH 2017
				KH	TH	% TH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)=(6)/(4)
I	Sản lượng sản xuất						
1	Đá Felspat thô	tấn	55.771	75.000	48.906	65%	88%
2	Felspat bột	tấn	113	-	80		71%
3	Felspat phong hoá	tấn	25.263	40.600	33.884	83%	134%
4	Nguyên liệu SX Graphit	tấn					
	- Graphit thô giàu	tấn	-	-			
	- Bùn thải sau tuyển	tấn	5.823	-			
5	Graphit loại 80%C	tấn	533	-	10		2%
6	Graphit vảy 85%C	tấn	117	-			
7	Đất đá felspat thải loại	tấn	4.199	-	5.408		129%
8	Đá hoa trắng mỏ Đào Lâm						
	- Đá Block	m ³	1.829	2.275	2.209	97%	121%
	- Đá nguyên liệu xẻ	m ³	607	500	739	148%	122%
	- Đá nghiền bột	m ³	14.769	15.600	17.556	113%	119%
II	Sản phẩm tiêu thụ						
1	Felspat thô	tấn	55.269	75.000	48.906	65%	88%
2	Felspat bột	tấn	113	-	80		71%
3	Felspat phong hóa	tấn	24.652	40.600	33.884	83%	137%
4	Bột Graphit (các loại)	tấn	543	-	12		2%
5	Đất đá felspat thải loại	tấn	4.199	-	5.408		129%
6	Đá hoa trắng mỏ Đào Lâm						
	- Đá Block	m ³	1.829	2.275	2.209	97%	121%
	- Đá nguyên liệu xẻ	m ³	607	500	739	148%	122%
	- Đá nghiền bột	m ³	14.769	15.600	17.556	113%	119%

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	TH 2017	Năm 2018			TH 2018 so với TH 2017
				KH	TH	% TH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)=(6)/(4)
III	Một số chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	39.881	40.542	32.741	81%	82%
	Trong đó:						
	- Doanh thu bán hàng và tiêu thụ SP	trđ	34.409	38.836	29.928	77%	87%
	- Doanh thu dịch vụ	trđ	5.472	3.735	2.813	75%	51%
2	Doanh thu tài chính	trđ	3.824	2.340	4.282	183%	112%
3	Thu nhập khác	trđ	148	1.282	2.609	204%	1763%
4	Chi phí hoạt động SXKD	trđ	36.174	38.661	30.598	79%	85%
5	Chi phí tài chính	trđ	-	60	-		
6	Chi phí khác	trđ	35	-	577		1.649%
7	Lợi nhuận trước thuế	trđ	7.644	5.443	8.457	155%	111%
8	Thu nhập bình quân	trđ/ng/ tháng	5,1	6,0	5,3	88%	104%
9	Các khoản nộp NSNN	trđ	12.388	14.920	10.594	71%	86%

II. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2018

Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt số 69/2019/BCKT-AVI-TC1 hoàn thành ngày 21/03/2019, kiểm toán BCTC cho năm tài chính 2018 của Công ty YVG. Báo cáo các chỉ tiêu đạt được như sau:

- | | |
|-------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tổng doanh thu và thu nhập khác: | 39.632 triệu đồng |
| 2. Tổng chi phí: | 31.175 triệu đồng |
| 3. Lợi nhuận trước thuế: | 8.457 triệu đồng |
| 4. Thuế TNDN phải nộp: | 1.952 triệu đồng |
| 5. Lợi nhuận sau thuế: | 6.505 triệu đồng |

1. Về thực hiện các chỉ tiêu SXKD 2018:

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 32.741 triệu đồng/40.541 triệu đồng kế hoạch, đạt 81% giảm so với Kế hoạch lý do:

❖ Doanh thu bán hàng và tiêu thụ sản phẩm **8.620 triệu đồng/12.876 triệu đồng** giảm 4.256 triệu đồng, đạt 67% Kế hoạch chủ yếu biến động các chỉ tiêu sau:

- Sản lượng Felspat phong hóa tiêu thụ **33.884 tấn/40.600 tấn** Kế hoạch đạt 83%; đây là sản phẩm được tận thu chủ yếu từ công tác bóc đất XDCB tại mỏ Hán Đà và được UBND tỉnh chấp thuận là khoáng sản đi kèm theo văn bản số 695/UBND-TNMT ngày 18/4/2017.
- Sản phẩm nhóm Graphit sản lượng tiêu thụ **12 tấn**. Đây là sản phẩm tồn kho năm các năm trước chuyển sang. (Đến hết 30/06/2018 không còn tồn kho).
- Sản phẩm đá Felspat thô sản xuất và tiêu thụ **48.906 tấn/75.000 tấn** bằng 65% KH đề ra (Trong đó: Sản lượng KT, tiêu thụ tại mỏ dốc 6000 được 14.705 tấn/27.000 tấn. Sản lượng khai thác tại mỏ Hán Đà 34.201 tấn/48.000 tấn).

- Sản phẩm đất đá thải loại (sản phẩm thu hồi một phần chi phí bóc đất XDCB tại mỏ Hán Đà): Bán được **5.408 tấn** thu về **136 triệu đồng**.
 - Bột Felspat nghiền: Là **80 tấn** sản phẩm từ nguồn nguyên liệu vận chuyển về nghiền tại Xí nghiệp Văn Tiến để thử nghiệm bán công nghệ trên dây chuyền sản xuất của khách hàng thu được **26 triệu đồng**.
 - ❖ Doanh thu thương mại đạt **1.987 triệu đồng/ 1.000 triệu đồng** bằng 201% Kế hoạch. Đây là khoản doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại sản phẩm Graphit 80%C .
 - ❖ Doanh thu dịch vụ vận chuyển đạt **1.991 triệu đồng/1.705 triệu đồng** bằng 117% Kế hoạch. Tăng do quý 4/2018 bắt đầu vận chuyển sản phẩm đá Felspat thô về Xí nghiệp Văn Tiến.
 - ❖ Doanh thu liên kết với Công ty Thanh Sơn **19.313 triệu đồng/23.930 triệu đồng**, giảm 4.617 triệu đồng, đạt 81% Kế hoạch. Năm 2018, tuy sản lượng khai thác các loại sản phẩm tăng nhưng do tỷ lệ thu hồi đá khối (block) loại A giảm dẫn đến doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra. Cụ thể:
 - + Do chất lượng đá khai thác ra xấu màu xám và vận vệt chiếm tỷ lệ lớn. Sản lượng Đá Block thực tế là **2.209m³/2.275m³** bằng **97%** so với KH; sản lượng đá học (đá nghiền bột đã qui về khối nguyên khai) thực hiện được **17.556m³/14.923m³** bằng 96% so với KH, sản phẩm đá nguyên liệu xẻ thực hiện **739m³/500m³** tăng 48% so với KH;
 - + Giá bán đá Block được phân cấp thành nhiều loại (trong năm 2018 loại chất lượng thấp xấu, vận vệt chiếm trên 40% tổng số khối lượng đá Block;
 - + Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị giảm do kết thúc hợp đồng số 02/HĐKT/YVG-TS hợp đồng thuê máy móc thiết bị kể từ ngày 28/02/2018. Công ty Thanh Sơn trả lại hết các danh mục máy móc thiết bị chỉ giữ lại một phần nhỏ là nhà văn phòng, đường điện, trạm điện, kho chứa VLN với tổng giá trị thuê 22,8 triệu đồng/năm.
 - ❖ Doanh thu liên kết với Công ty VINAKASAN (phát sinh từ cho thuê máy móc thiết bị): được **462 triệu đồng/692 triệu đồng**, giảm 230 triệu đồng bằng 67% so với Kế hoạch, là do Công ty VINAKASAN hoạt động không ổn định, nợ đọng kéo dài đến 31/08/2018 nên Công ty YVG chấm dứt hợp đồng trước thời hạn để ký hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thái Hà Yên Bái.
 - ❖ Doanh thu liên kết với Công ty Cổ phần Đá trắng YVN (cho thuê dây chuyền 5R) được **342 triệu đồng/337 triệu đồng** đạt 102% KH.
 - ❖ Doanh thu bán thanh lý vật tư tồn kho lâu ngày theo Điều 3, Nghị quyết số 03/NQ-2018-HĐQT ngày 10/05/2018 của HĐQT thu được **26 triệu đồng**.
- b) Giá vốn hàng bán thực hiện đạt 27.987 triệu đồng/33.033 triệu đồng** giảm 5.046 triệu đồng bằng 85% Kế hoạch đề ra (chiếm 85% doanh thu). Lí do: sản lượng đá Felspat sản xuất và tiêu thụ bằng 65% KH, Felspat phong hóa tiêu thụ bằng 61% KH; Trong quý 4/2018 không phát sinh doanh thu thuê máy móc thiết bị tại Xí nghiệp Văn Tiến do Công ty Thái Hà Yên Bái tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống máy móc nhưng chi phí khấu hao TSCĐ vẫn phải trích theo quy định (tại Thông tư 45/2013/TT-

BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính) và Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ như sau:

Bộ phận	ĐVT	Khấu hao TSCĐ	CP trả trước dài hạn	Tổng
- PX nghiên Văn Tiến	trđ	1.248,6	5,8	1.254,4
- PX Hán Đà	trđ	34,2		34,2
- Xí nghiệp đá hoa trắng Đào Lâm	trđ	0,0	34,8	34,8
- Bộ phận Văn phòng	trđ	45,2	55,1	100,3
- XN Graphit	trđ			0,0
- Mỏ Felspat Dốc 6000	trđ		4,6	4,6
- Mỏ Felspat Hán Đà	trđ		1.012,3	1.012,3
Tổng cộng	trđ	1.328,0	1.112,6	2.440,6

Các khoản chi phí khác như nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, tiền lương, thuế, phí,... phát sinh tại bộ phận nào được hạch toán trực tiếp vào giá thành cho sản phẩm sản xuất tại bộ phận đó.

c) Doanh thu hoạt động tài chính 4.281,5 triệu/2.340 triệu đồng tăng 1.941,5 triệu đồng bằng 183% so với Kế hoạch. Do KH đầu năm dự kiến tất toán một số đơn vị Hợp tác đầu tư, nhưng thực tế trong 2018 chưa tất toán. Doanh thu tài chính thu được từ các khoản:

- ❖ Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các NHTMCP là: **1.309,1 triệu đồng**;
- ❖ Lãi từ tất toán các khoản ký quỹ phục hồi môi trường các mỏ: **40,2 triệu đồng**;
- ❖ Lãi từ ủy thác đầu tư và cho vay: **2.932,2 triệu đồng**. Chi tiết:

1. Công ty CP Tập đoàn đầu tư Việt Phương	766,6 trđ
2. Công ty CP XNK và chế biến gỗ Hưng Thịnh	1.040,2 trđ
3. Công ty CP phát triển bất động sản Hà Linh	532,3 trđ
4. Công ty CP đầu tư PHD	593,1 trđ
Tổng cộng	2.932,2 trđ

Lợi nhuận được hưởng từ hợp tác đầu tư cao hơn lãi suất được hưởng từ tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng TMCP có cùng kỳ hạn. Đến hết ngày 31/12/2018, các đơn vị hợp tác còn nợ số tiền phí sử dụng vốn/ lãi vay lũy kế là: **4.070,9 triệu đồng**.

d) Chi phí bán hàng

Thực hiện **333 triệu đồng/405 triệu đồng** đạt 82% Kế hoạch, giảm so với kế hoạch là do lượng khách hàng thường xuyên tiêu thụ ổn định; đầu năm 2018 xây dựng kế hoạch đi công tác khách hàng tại Miền Nam và giao dịch với các khách hàng nhưng thực tế đã hoàn thành công việc qua trao đổi điện thoại, email;

1. Tiền lương và các khoản BH cho nhân viên kinh doanh:	175,38 trđ
2. Tiếp khách giao dịch, đối ngoại:	91,15 trđ
3. Công tác phí đối chiếu công nợ, tìm hiểu thị trường:	47,93 trđ
4. Chi phí hành chính:	18,08 trđ
Tổng cộng:	332,54 trđ

e) **Chi phí quản lý doanh nghiệp 2.278 triệu đồng/5.222 triệu đồng** bằng 44% so với Kế hoạch đầu năm 2018 (bằng 7% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ), lý do:

- **Trích lập dự phòng: 95 triệu đồng** (Gồm có: trích lập dự phòng phải thu Công ty Sứ Hải Giang phát sinh nợ từ năm 2005 và năm 2008: 14,5 triệu đồng, Công ty Nam Sơn phát sinh công nợ từ năm 2012: 80,4 triệu đồng) căn cứ Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số: 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Năm 2018 đã trích lập theo quy định là 95 triệu đồng tương đương với kết quả SXKD trong năm giảm đi **95 triệu đồng**. Các niên độ kế toán tiếp theo nếu Công ty thu hồi được các khoản phải thu đã trích lập này sẽ làm tăng lợi nhuận tương ứng của kỳ kế toán đó.

- **Hoàn nhập dự phòng: 1.618,3 triệu đồng. Trong đó:**

+ Hoàn nhập dự phòng từ công nợ phải thu khách hàng: 891,5 triệu đồng

1. XN Sứ Thành Trung - Công ty Gạch men sứ Thanh Hải	20,0 trđ
2. Công ty CP Vinakasan	789,9 trđ
3. Công ty kính Đáp Cầu	30,0 trđ
4. Công ty Sứ Thanh trì	13,0 trđ
5. Công ty CP Tập đoàn VLCL Thái Nguyên	19,0 trđ
6. Công ty TNHH Bích Hường	19,6 trđ

Tổng cộng

891,5 trđ

+ Hoàn nhập dự phòng từ công nợ phải thu nội bộ và phải thu khác: 726,8 triệu đồng

- **Chi phí quản lý trong năm 2018 là: 3.801,0 triệu đồng/5.222,1 triệu đồng:** giảm so với Kế hoạch 1.421,1 triệu đồng (do tiết kiệm chi phí hành chính...). Số thực hiện 3.801 triệu đồng gồm:

1. Tiền lương và các khoản chế độ BH cho người lao động:	1.616,3 trđ
2. Thù lao HĐQT, BKS, trợ lý HĐQT kiêm thư ký:	375,0 trđ
3. Tiền thuê đất toàn công ty:	262,7 trđ
4. Tài sản cố định, chi phí trả trước:	135,0 trđ
5. Trợ cấp thôi việc cho người lao động:	242,1 trđ
6. Chi phí giao dịch đối ngoại:	280,0 trđ
7. Chi phí khám sức khỏe định kỳ:	37,5 trđ
8. Chi phí đi công tác, xăng xe:	180,6 trđ
9. Phí dịch vụ kiểm toán BCTC năm:	80,0 trđ
10. Văn phòng phẩm, đồ dùng VP, sửa chữa thiết bị, đồ dùng văn phòng:	220,0 trđ
11. Chi phí hành chính khác (ủng hộ các địa phương, các hội, diễn tập	371,8 trđ

DQTV, tổ chức Đại hội cổ đông, phí chuyển tiền, điện, nước....)

Tổng cộng

3.801,0 trđ

f) Thu nhập khác 2.608,6 triệu đồng: Bao gồm các khoản thu nhập sau:

- Bán thanh lý lô tài sản đã hết khấu hao, tài sản cũ, hỏng, không có nhu cầu sử dụng do Công ty Thanh Sơn trả lại là: 1.281,8 triệu đồng.
- Chuyển nhượng thông tin và kết quả thăm dò dự án mỏ Đá hoa Cốc Há III: 1.150 triệu đồng.
- Tiền phạt chậm thanh toán của Công ty Vinakasan: 100 triệu đồng.
- Bán thanh lý máy ủi: 74,5 triệu đồng.
- Điều chỉnh công nợ phải thu: 2,3 triệu đồng.

g) Chi phí khác 577 triệu đồng: Là khoản chi phí sau:

- Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH: 22,1 triệu đồng.
- Xử lý công nợ phải thu Công ty CP Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn, Công ty TNHH Bích Hương: 42,5 triệu đồng.
- Xử lý tài sản thiếu chờ xử lý: 512,7 triệu đồng.

h) Lợi nhuận

- Lợi nhuận trước thuế: **8.457 triệu đồng.**
- Thuế TNDN phải nộp: **1.952 triệu đồng.**
- Lợi nhuận sau thuế: **6.505 triệu đồng.**

2. Về công tác liên doanh liên kết:

a) Hợp tác với Công ty CP Khai khoáng Thanh Sơn tại mỏ đá vôi trắng Đào Lâm:

- Sản lượng khai thác, tiêu thụ bám sát kế hoạch đề ra, cụ thể:
Đá Block: 2.091,2/2.275 m³ = 91,9 % KH năm.
Đá nguyên liệu xẻ: 739/500 m³ = 147,8 % KH năm.
Đá nghiền bột: 14.923/15.600 m³ = 95,6% KH năm.
- Về hoạt động sản xuất tại mỏ đá vôi trắng Đào Lâm của Công ty Thanh Sơn ổn định, công tác SX đảm bảo an toàn.
- Công tác thanh toán công nợ đúng cam kết.

b) Hợp tác với Công ty Cổ phần Vinakasan:

- Ngày 05/09/2018 Vinakasan chấm dứt Hợp đồng và thanh toán dứt điểm công nợ tồn đọng đến 31/08/2018 cho YVG.

c) Hợp tác với Công ty Thái Hà Yên Bái:

- Tháng 9/2018 đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty CP Thái Hà Yên Bái.
- Sau khi tiếp nhận, Thái Hà YB đã tiến hành cải tạo lại văn phòng điều hành, dây truyền nghiền, cụ thể:
 - + Sơn sửa lại, thay thế thiết bị văn phòng khối nhà điều hành;
 - + Lắp mới cầu cân điện tử 100 tấn;
 - + Đào hố lắng thu nước mặt tại vị trí đầu nhà làm việc;
 - + Cải tạo lại dây truyền nghiền từ nghiền khô sang nghiền ướt;
 - + Xây dựng mới hệ thống bể lọc nguyên liệu.

d) Hợp tác với Công ty Cổ phần Đá trắng YVN:

- Hiện tại, thiết bị YVG cho YVN thuê đều hoạt động bình thường. Hoạt động sản xuất của YVN ổn định, an toàn. Thanh toán công nợ đúng cam kết.

III. Về các mặt quản lý điều hành năm 2018

1. Công tác quản lý, tổ chức doanh nghiệp:

* Công tác nhân sự:

Năm 2018, công tác tổ chức nhân sự đã ổn định, bộ máy gọn nhẹ, sắp xếp hợp lý, các phòng ban phân công nhiệm vụ cho CBCNV trong phòng theo chuyên môn, trình độ được đào tạo, bố trí sắp xếp công việc để đảm bảo người lao động có đủ việc làm và thu nhập ổn định, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ, nghĩa vụ đối với người lao động.

Trong năm 2018 đã giải quyết chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng của các cá nhân là 14 trường hợp đồng thời tuyển dụng mới 03 lao động vào các vị trí nhân viên lái xe con; nhân viên phòng kế hoạch kỹ thuật và công nhân lái xe tải tại mỏ Hán Đà. Biên chế tại ngày 01/01/2018 là 51 người và ngày 31/12/2018 là 40 người.

* Công tác tiền lương và chế độ chính sách:

Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các quy định về chế độ tiền lương, chính sách cho người lao động. Đã xây dựng quy chế lương; thang bảng lương cho CBCNV áp dụng cho người lao động từ 01/10/2018. Xây dựng quy chế tuyển dụng, đào tạo và các chế độ khác được đảm bảo đúng đủ theo quy định của nhà nước và điều kiện thực tế của Công ty cũng như tạo tiền đề thu hút thêm lao động có năng lực vào làm việc lâu dài tại công ty, khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên đang làm việc yên tâm công tác lâu dài.

* Rà soát chức danh nghề, điều chỉnh thông tin, cộng nổi thời gian công tác cho CBCNV, đảm bảo chế độ quyền lợi cho người lao động.

Đã đề nghị BHXH tỉnh Yên Bái thẩm định và cộng nổi thời gian công tác cho một số trường hợp sau khi công ty rà soát lại quá trình công tác của người lao động. Nhanh chóng kịp thời giải quyết đúng và đầy đủ các chế độ liên quan đến người lao động như Chế độ ốm đau, thai sản, chế độ phúc lợi khác theo quy định., chấm dứt HĐLĐ tại Công ty... tư vấn, hỗ trợ về chế độ chính sách cho người lao động. Trong quý I/2018 đã Hoàn thành rà soát chức danh nghề, điều chỉnh thông tin, cộng nổi thời gian công tác, tiền lương cho CBCNV trong công ty và kết hợp BHXH in, bàn giao sổ BHXH cho người lao động tự quản lý theo quy định của luật bảo hiểm hiện hành.

* Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

Luôn duy trì hoạt động của ban an toàn, trang bị bảo hộ lao động tùy theo yêu cầu của từng vị trí chức danh công việc. Cử người lao động tham gia các lớp tập huấn và thi sát hạch lấy chứng chỉ: Sử dụng vật liệu nổ, an toàn lao động - PCCN, an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp, nghiệp vụ bảo vệ...

* Công tác khám sức khỏe định kỳ:

100% người lao động trong công ty đều được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trường hợp người lao động làm công việc độc hại, nặng nhọc được kiểm tra thêm về mức độ tổn thương do tính chất công việc gây ra, hàng năm tiến hành đo môi trường lao động trong toàn công ty để người lao có môi trường làm việc đảm

bảo, được công ty mua bảo hiểm thân thể, bảo hiểm có dịch vụ bảo hiểm cao giúp CBCNV yên tâm về chế độ chăm sóc sức khỏe.

* Công tác an toàn môi trường làm việc:

Hàng năm công ty ký hợp đồng và mời các cơ quan chức năng tiến hành đo và đánh giá về các thông số môi trường, theo dõi tình hình quan trắc môi trường của nhà máy, mỏ, đảm bảo môi trường luôn đạt các tiêu chuẩn quy định trong giấy phép đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước.

* Tổ chức họp giao ban SXKD hàng tháng:

Hàng tháng luôn duy trì họp giao ban định kỳ, tháng, quý, năm nhằm đánh giá đúng, kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra và đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận từ đó có cơ sở điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và sát với điều kiện thực tế của thị trường, bên cạnh đó để kiểm điểm đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu của các cá nhân, bộ phận trong công ty và là cơ sở để sắp xếp công việc, điều chỉnh thu nhập.

2. Công tác quản lý sản xuất:

❖ Mỏ Hán Đà và Mỏ dốc 6000:

- SL khai thác tiêu thụ mỏ Hán Đà:
 - + Đá felspat thô : 34.339/48.000 tấn = 71,5% KH năm.
 - + Felspat phong hóa: 31.711/18.000 tấn = 176% KH năm.
 - + Đất đá thải loại : 5.916 tấn.
 - + Bóc đất XD CB : 33.515/36.000 m³.
- Sản lượng khai thác, tiêu thụ mỏ Dốc 6000:
 - + Đá felspat thô : 12.556/27.000 tấn = 46,5% KH năm.
 - + felspat phong hóa cục: 2.511,9/6.500 tấn = 19,3 % KH năm.
- Sản lượng đá felspat thô tiêu thụ chậm không đạt KH đề ra, nguyên nhân chính do trong năm các nhà máy SX gạch ốp lát hoạt động sản xuất cầm chừng, sản lượng nguyên liệu tồn tại kho khách hàng rất lớn => sản phẩm khai thác ra không vận chuyển đi được.
- Công tác phát triển khách hàng mới chậm, khách hàng Thái Hà YB đang trong quá trình sửa chữa chuyển đổi công nghệ đến cuối tháng 12/2018 mới bắt đầu vận hành thử dây truyền nghiền nên bãi chứa nguyên liệu bị hạn chế (năm 2018 đưa về tập kết được 4.942 tấn).
- Hoạt động SX tại mỏ Hán Đà và mỏ dốc 6000 trong năm đảm bảo an toàn, các tầng bờ mỏ ổn định không bị sạt lở, công tác sử dụng VLNCN đảm bảo an toàn tuyệt đối.

❖ Mỏ Đào Lâm:

- Sản lượng khai thác, tiêu thụ bám sát kế hoạch đề ra, cụ thể:
 - + Đá Block: 2.091,2/2.275 m³ = 91,9 % KH năm.
 - + Đá nguyên liệu xẻ: 739/500 m³ = 147,8 % KH năm.
 - + Đá nghiền bột: 14.923/15.600 m³ = 95,6% KH năm.
- Về hoạt động sản xuất tại mỏ đá vôi trắng Đào Lâm của Công ty Thanh Sơn ổn định, công tác SX đảm bảo an toàn.
- Chuẩn bị công tác giải phòng mặt bằng khu bãi thải trong diện tích được cấp.

3. Công tác phát triển thị trường.

- Đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm felspat phong hóa, đất đá thải loại tại mỏ Hán Đà nhằm tiết kiệm chi phí bóc đất XDCB mỏ, tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.
- Ký Hợp đồng cung cấp nguyên liệu ổn định trong năm với khách hàng.
- Kinh doanh thương mại sản phẩm Graphit: Do từ tháng 10/2017 Công ty không còn sản xuất mặt hàng Graphite. Để duy trì quan hệ với các bạn hàng truyền thống Công ty đã tiêu thụ được 224 tấn graphite từ nguồn graphite thương mại với giá trị đạt 1.987 triệu đồng.
- Ký hợp đồng hợp tác với Công ty CP Thái Hà Yên Bái thay thế Công ty CP Vinakasan đầu tư bổ sung công nghệ, máy móc thiết bị để vận hành sản xuất sản phẩm nguyên liệu gốm sứ chất lượng cao tại Xí nghiệp Văn Tiến từ nguồn nguyên liệu felspat mỏ Hán Đà để đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng sản phẩm theo công suất cấp phép và kinh doanh thương mại các sản phẩm bột được sản xuất tại Xí nghiệp Văn Tiến.

4. Công tác Tài chính - Tín dụng - Kế toán: Tập trung vào một số nội dung chính sau.

4.1. Công tác thu hồi vốn, xử lý công nợ:

- * Công nợ nhóm khách hàng loại A: Đây là khoản công nợ phát sinh mua hàng thường xuyên và công nợ từ các đơn vị hợp tác được thanh toán theo tiến độ quy định tại các hợp đồng.

(ĐVT: 1.000 đồng)

	Diễn giải	Dư đầu kỳ 01/01/2018		Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư cuối kỳ 31/12/2018	
		Nợ	Có			Nợ	Có
1	Khách hàng loại A						
1.1	Các KH phát sinh thường xuyên	3.371.826	129.642	15.319.607	16.621.284	2.327.395	386.888
1.2	Cty CP Khai khoáng Thanh Sơn	31.227	-	23.893.479	22.503.643	1.421.063	-
1.3	Công ty CP Vinakasan	2.757.190	-	654.049	3.411.239	-	-
1.4	Công ty CP Thái Hà Yên Bái	-	-	3.624.230	2.861.212	763.018	-
1.5	Công ty CP Đá trắng YVN	-	-	375.833	375.833	-	-
	Tổng cộng	6.160.243	129.642	43.867.198	45.773.211	4.511.476	386.888

- * Công nợ nhóm khách hàng loại B: Là các khoản công nợ chậm trả kéo dài, chủ yếu là các công ty có thời gian nợ đã lâu từ 5 đến 10 năm, trong năm phát sinh thanh toán: 120 triệu đồng.
- * Công nợ nhóm khách hàng loại C (đã khởi kiện): Công ty đã cùng Công ty Luật Dragon đã gửi đơn khởi kiện lần thứ 2 ra tòa án quận Đống Đa Hà Nội đối với Công ty TNHH Sáng Hợp. Đối với Công ty Nam Sơn, YVG cùng luật sư Công ty Luật Dragon đã tìm đến trụ sở ghi trên giấy phép kinh doanh tại thị trấn Nhồi - Đông Sơn - Thanh Hóa, tuy nhiên đây chỉ là trụ sở ảo. YVG đang xem xét tố cáo Công ty TNHH

Nam Sơn với các cơ quan luật pháp về hành vi cố tình không thi hành quyết định của toà án.

(ĐVT: 1.000 đồng)

	Diễn giải	Dư đầu kỳ 01/01/2018		Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư cuối kỳ 31/12/2018	
		Nợ	Có			Nợ	Có
1	Khách hàng loại B	721.662	-	-	120.020	601.642	-
2	Khách hàng khởi kiện loại C	327.939	-	-	-	327.939	-
3	Nợ xấu	7.786.255	-	-	-	7.786.255	-
	Tổng cộng	8.835.855	-	-	120.020	8.715.835	-

4.2. Công tác đảm bảo vốn SXKD& Công tác tiết kiệm, chống lãng phí:

Nhiều hạng mục công trình công ty tự tổ chức làm như: bóc đất XD CB tại mỏ Hán Đà, sửa chữa bảo dưỡng đường nội bộ tại thôn Hồng Quân, xã Hán Đà mục đích tiết kiệm chi phí; năm 2018 đã rà soát định mức khai thác sản phẩm tại mỏ Felspat Hán Đà, bố trí hợp lý máy móc thiết bị nhằm giảm chi phí không cần thiết trong quá trình sản xuất.

4.3. Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính:

Công ty đã thuê Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tiến hành kiểm toán BCTC cho năm tài chính 2018. Đảm bảo công khai, minh bạch về mặt tài chính.

Ngoài việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát của Công ty và Phòng Kiểm soát nội bộ Tập đoàn đầu tư Việt Phương thường xuyên kiểm tra hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư của đơn vị.

4.4. Công tác Tài chính kế toán:

Thực hiện theo chuẩn mực kế toán hiện hành, đảm bảo đúng quy định của Bộ tài chính, kiểm soát các chi phí hoạt động của công ty theo quy định của Nhà nước, nội quy công ty trên cơ sở kế hoạch ngân sách hàng năm được phê duyệt được lập dựa trên cơ sở là nguyên tắc kế toán phù hợp với qui định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/201//TT-BTC ngày 22/12/2014. Quản lý tốt, vốn, tài sản của công ty, phân tích đánh giá nguyên nhân nhằm chỉ rõ các mặt hoạt động của công ty giúp cho HĐQT nắm được để có hướng chỉ đạo công ty hiệu quả. Định kỳ tháng, quý lập báo cáo nhanh KQ HĐSXKD gửi Tập đoàn đầu tư Việt Phương, Ban điều hành công ty giúp cho HĐQT và Ban điều hành chỉ đạo sản xuất kịp thời.

Công tác kế toán tài chính đảm bảo đúng quy định của công ty và chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước như thực hiện đúng chế độ về thuế phí các loại thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo quản lưu trữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán thuộc công việc kế toán theo đúng quy định, khoa học.

5. Công tác khác:

5.1. Các phương án đầu tư được HĐQT phê duyệt:

- Phương án xin bổ sung vào quy hoạch, thăm dò khai thác khoáng sản phân mở rộng mỏ đá vôi trắng Đào Lâm.
- Phương án đền bù bãi thải phía Tây mỏ đá vôi trắng Đào Lâm.

- c. Phương án thuê đất bổ sung phía Tây Nam mỏ fenspat thôn Hồng Quân, xã Hán Đà.
- d. Phương án đầu tư máy xúc và lắp đặt trạm cân tại mỏ fenspat thôn Hồng Quân, xã Hán Đà.
- e. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phân chia gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và hình thức đấu thầu để làm các thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ graphit Văn Yên.
- f. Phương án đóng cửa mỏ graphit Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
- g. Phương án đóng cửa mỏ fenspat Dốc 6000, xã Yên Thái và Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

5.2. Kết quả đạt được:

* Các hạng mục đã hoàn thành:

- a. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phân chia gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và hình thức đấu thầu để làm các thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ graphit Văn Yên.
Đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Bán Cầu về việc thi công Đề án thăm dò, lập báo cáo kết quả thăm dò, trình phê duyệt trữ lượng mỏ graphit Văn Yên vào ngày 02/5/2018 và Hợp đồng với Liên đoàn INTERGEO về việc Giám sát thi công Đề án thăm dò graphit Văn Yên.
- b. Phương án đóng cửa mỏ graphit Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
Đã lập Đề án đóng cửa mỏ và được thông qua Hội đồng thẩm định Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, ngày 26/3/2019.
- c. Phương án đóng cửa mỏ fenspat Dốc 6000, xã Yên Thái và Yên Hưng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
Đã lập Đề án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung và được thông qua Hội đồng thẩm định tỉnh Yên Bái, ngày 22/3/2019.

* Hạng mục chưa hoàn thành:

- a. Phương án xin bổ sung vào quy hoạch, thăm dò khai thác khoáng sản phần mở rộng mỏ đá vôi trắng Đào Lâm.
 - Ngày 30/8/2017, UBND tỉnh Yên Bái có văn bản số: 1829/UBND-TNMT, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị phê duyệt khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tại điểm có đá vôi trắng thuộc thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.
 - Ngày 28/09/2017 Bộ Tài nguyên và Môi trường có công văn số: 5125/BTNMT-ĐCKS trả lời UBND tỉnh Yên Bái: Hiện đang chờ kết quả điều tra đánh giá của Bộ TN&MT theo Quyết định số: 2847/QĐ-BTNMT ngày 05/12/2015.
- b. Phương án đền bù bãi thải phía Tây mỏ đá vôi trắng Đào Lâm.
Công ty đã gửi hồ sơ lên UBND huyện Lục Yên đề nghị đăng ký bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất và gặp gỡ trao đổi với các hộ gia đình nằm trong diện tích đất quy hoạch làm bãi thải của Công ty, về cơ bản các hộ gia đình, đồng ý chuyển nhượng lại đất cho Công ty
- c. Phương án thuê đất bổ sung phía Tây Nam mỏ fenspat Hán Đà.
YVG đã gửi hồ sơ về UBND huyện Yên Bình đề nghị đăng ký bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất của huyện Yên Bình và trao đổi với hộ gia đình có đất nằm

trong diện tích đất được cấp mỏ của Công ty, về cơ bản đồng ý chuyển nhượng lại đất cho Công ty.

- d. Phương án đầu tư máy xúc và lắp đặt trạm cân tại mỏ fenspat thôn Hồng Quân, xã Hán Đà.

Đã lập báo cáo KTKT đầu tư mua 01 máy xúc và cầu cân, hiện đang đề nghị VPG thẩm định báo cáo và trình HĐQT phê duyệt để thực hiện.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019.

I. Những khó khăn và thuận lợi:

1. Thuận lợi:

- Từ đầu năm đã ký gia hạn hợp đồng tiêu thụ sản phẩm fenspat thô và fenspat phong hóa tại mỏ Hán Đà ổn định với một số khách hàng. Khách hàng tiêu thụ sản lượng đá fenspat thô và fenspat phong hóa tương đối ổn định.
- Điều chỉnh giá bán đá fenspat thô và fenspat bán phong hóa bình quân tăng từ 10 - 15% so với đơn giá 2018.
- Việc ký hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thái Hà Yên Bái về việc đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị để sản xuất nguyên liệu gốm sứ cao cấp tại Xí nghiệp Văn Tiến đã giải quyết ổn định sản lượng tiêu thụ sản phẩm mỏ fenspat Hán Đà.
- Có cơ hội kinh doanh các sản phẩm sản xuất tại Xí nghiệp Văn Tiến nhằm tăng doanh thu cho Công ty.
- Các phòng ban, xí nghiệp đã xây dựng kế hoạch ngân sách 2019 sát với thực tế, được HĐQT xem xét để làm cơ sở kiểm soát chi phí & chủ động kế hoạch sản xuất.
- Chủ động được nguồn vốn, không phải vay ngân hàng, đặc biệt là có sự ủng hộ mạnh mẽ của các cổ đông và cán bộ nhân viên toàn công ty, tăng cường kiểm soát chi phí.

2. Khó khăn:

- Doanh thu và lợi nhuận năm 2019 giảm do không còn doanh thu từ sản phẩm mỏ fenspat dốc 6000 và doanh thu thương mại sản phẩm graphite.
- Các sản phẩm của công ty khai thác chịu nhiều sự cạnh tranh của các đối thủ tại các tỉnh khu vực phía Bắc.
- Cần chuẩn bị nguồn vốn lớn để thanh toán chi phí thăm dò và tiến hành xin cấp giấy phép khai thác mỏ Graphite Văn Yên tiến tới đầu tư xây dựng nhà máy chế biến.
- Việc tìm kiếm mỏ mới gặp nhiều khó khăn bởi một số nguyên nhân: Các quy định về quy hoạch đất đai nông lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, đất phục vụ an ninh quốc phòng...); Các thủ tục xin phép các cơ quan quản lý....
- Hàng năm việc điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu vùng làm chi phí nhân công tăng 7 - 12%.
- Hoạt động SXKD của Công ty YBB còn nhiều khó khăn dẫn đến YVG chưa được nhận khoản lợi nhuận được chia từ YBB.
- Chi phí đầu tư tăng lên do ảnh hưởng của thông tư 158/2016/NĐ-CP quy định về việc lắp đặt trạm cân & camera giám sát tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác.

- Khoản kinh phí thực hiện trách nhiệm phúc lợi cộng đồng tại địa phương nơi Công ty hoạt động khai thác khoáng sản tương ứng 0,5 doanh thu hàng năm (Bắt đầu từ 2016).
- Chính sách thuế phí liên quan đến hoạt động khoáng sản còn quá cao.

3. Kế hoạch SXKD năm 2019 và tình hình thực hiện trong 4 tháng đầu năm.

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 4 tháng	Ước còn phải TH	Tỷ lệ (%)	
							KH 2019/ TH2018	Ước TH/KH
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)=(4)/(3)	(8)=(5)/(4)
I	Sản lượng sản xuất							
1	Felspat phong hóa	tấn	33.884	12.000	12.906	-	35%	108%
2	Felspat thô	tấn	48.906	48.000	11.880	36.120	98%	25%
3	Felspat bột	tấn	80	-	-	-	0%	
4	Graphite(các loại)	tấn	10	-	-	-	0%	
6	Đất đá felspat thải loại	tấn	5.408	-	1.522	-	0%	
7	Đá hoa trắng Đào Lâm				-	-		
	- Đá Block	m ³	2.209	2.516	541	1.975	114%	22%
	- Đá nguyên liệu xẻ	m ³	739	500	119	381	68%	24%
	- Đá nghiền bột	m ³	17.556	15.600	335	15.265	89%	2%
II	Sản lượng tiêu thụ							
1	Felspat phong hóa	tấn	33.884	12.000	13.200	-	35%	110%
2	Felspat thô	tấn	48.906	48.000	11.880	36.120	98%	25%
3	Felspat bột	tấn	80	-	-	-	0%	
4	Graphite (các loại)	tấn	12	-	-	-	0%	
6	Đất đá felspat thải loại	tấn	5.408	-	1.658	-	0%	
7	Đá hoa trắng Đào Lâm				-	-		
	- Đá Block	m ³	2.209	2.516	591	1.925	114%	23%
	- Đá nguyên liệu xẻ	m ³	739	500	249	251	68%	50%
	- Đá nghiền bột	m ³	14.923	15.600	5.007	10.593	105%	32%
III	Một số chỉ tiêu tài chính							
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	32.741	33.262	7.448	25.814	102%	22%
	Trong đó:							
	- Doanh thu bán hàng và tiêu thụ SP	trđ	29.928	31.642	6.651	23.819	102%	22%
	- Doanh thu dịch vụ	trđ	2.813	1.620	797	1.995	99%	29%
2	Doanh thu tài chính	trđ	4.282	2.614	1.099	1.515	61%	42%
3	Thu nhập khác	trđ	2.609	-	-	-	0%	
4	Chi phí hoạt động SXKD	trđ	30.598	29.316	7.766	21.550	96%	26,5%
5	Chi phí tài chính	trđ	-	-	-	-		
6	Chi phí khác	trđ	577	-	147	-	0%	
7	Lợi nhuận trước thuế	trđ	8.457	6.560	634	5.926	77,5%	9,6%
8	Thu nhập bình quân	trđ/ ng/ tháng	5,3	6,5	6,5	-	123%	100%
9	Các khoản nộp NSNN	trđ	10.594	11.839	4.945	6.894	112%	42%

Một số nhiệm vụ, biện pháp chính năm 2019.

1. Biện pháp về tổ chức, quản lý doanh nghiệp:

Hiện tại tổng số cán bộ công nhân viên trong công ty là 38 người, với số lao động này cũng như tình hình sản xuất kinh doanh tại công ty, số CBCNV này cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ SXKD. Trong năm 2019 tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy trình quản lý:

- Xây dựng quy chế phúc lợi.
- Xây dựng quy chế khen thưởng, đánh giá cán bộ, nhân viên. Mục đích đánh giá cán bộ, nhân viên để làm rõ kết quả làm việc, năng lực, phẩm chất cá nhân, làm căn cứ để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với người lao động.
- Sửa đổi, bổ sung nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể cho phù hợp với các luật, quy định của Nhà nước.
- Thực hiện tiết kiệm, giảm thiểu chi phí quản lý, chi phí hành chính. Tăng cường công tác an toàn VSLĐ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Căn cứ định mức đã khoán gọn chi phí cho phân xưởng Hán Đà chủ động triển khai sản xuất và giao nhận sản phẩm với khách hàng thông qua các hợp đồng đã ký.
- Trong quá trình triển khai kế hoạch SXKD, Ban điều hành ứng trước 90% lương. Căn cứ mức độ hoàn thành kế hoạch SXKD, HĐQT sẽ xem xét quyết định chi trả nốt 10% còn lại.

2. Biện pháp tài chính - tín dụng - kế toán:

Tăng cường thu hồi công nợ khách hàng đặc biệt là các khách hàng mới phát sinh. Lập biên bản xác nhận số dư công nợ phải thu khách hàng theo tháng, quý hoặc năm tùy theo từng khách hàng để đảm bảo hồ sơ qui định về tài chính kế toán, giảm thiểu rủi ro tài chính. Đôn đốc thu hồi tạm ứng cá nhân, quản lý chặt chẽ dòng tiền.

Nắm bắt kịp thời các chính sách về thuế, phí và các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động SXKD của đơn vị, nhằm hạn chế tối đa các rủi ro do vi phạm các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Về việc trích khấu hao TSCĐ thực hiện theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Đối với chi phí trả trước dài hạn tùy vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để chọn phương pháp phân bổ và được phân bổ cho từng loại sản phẩm, bộ phận sử dụng.

Đối với chi phí trả trước ngắn hạn chỉ liên quan đến năm hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí SXKD trong năm đó. Quản lý tài sản, tiền vốn của đơn vị hiệu quả không gây tổn thất, thất thoát.

3. Công tác kinh doanh và thu hồi công nợ:

3.1. Công nợ khách hàng:

Tập trung đốc thúc các khách hàng đang có giao dịch phát sinh hàng tháng thanh toán đúng tiến độ cam kết. Giao phòng Kinh doanh phối hợp cùng phòng Kế toán lập phương án thu hồi các khoản nợ xấu, nợ khó đòi trình lãnh đạo phê duyệt.

Hoàn thiện các hồ sơ trích lập dự phòng nợ khó đòi với các khoản nợ kéo dài theo quy định của Bộ Tài Chính.

Kết quả thu hồi công nợ 4 tháng đầu năm:

* Nhóm khách hàng loại A:

(ĐVT: 1.000 đồng)

	Diễn giải	Dư đầu kỳ 01/01/2019		Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư cuối kỳ 30/04/2019	
		Nợ	Có			Nợ	Có
1	Khách hàng loại A						
1.1	Khách hàng PS thường xuyên	2.327.395	386.888	2.853.201	3.264.010	1.529.698	
1.2	Cty CP Khai khoáng Thanh Sơn	1.421.063	-	3.854.171	6.099.511		824.277
1.3	Công ty CP Thái Hà Yên Bái	763.018	-	1.061.528	-	1.824.546	
1.4	Công ty CP Đá trắng YVN	-	-	96.250	-	96.250	
	Tổng cộng	4.511.476	386.888	7.865.150	9.363.520	3.450.494	824.277

* Nhóm khách hàng loại B, loại C và nợ xấu:

(ĐVT: 1.000 đồng)

	Diễn giải	Dư đầu kỳ 01/01/2019		Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư cuối kỳ 30/04/2019	
		Nợ	Có			Nợ	Có
2	Khách hàng loại B	601.642	-	-	30.000	571.642	
3	Khách hàng khởi kiện loại C	327.939	-	-	-	327.939	
4	Nợ xấu	7.786.255	-	-	-	7.786.255	
	Tổng cộng	8.715.835	-	-	30.000	8.685.835	-

3.2. Nợ Vay/tạm ứng: Đến thời điểm 30/04/2019, nợ vay, tạm ứng & chi phí chưa quyết toán, chưa thu hồi được là: **5.287 triệu đồng**.

Trong đó:

- + Tạm ứng CP thường xuyên trong kỳ: 193 triệu đồng
- + Nợ cũ các cá nhân: 1.849 triệu đồng
- + CP giao dịch chưa QT: 3.245 triệu đồng

3.3. Công tác kinh doanh:

* **Về nhóm sản phẩm nguyên liệu gồm sứ:**

- Tổ chức sản xuất và hàng tháng tiêu thụ ổn định từ 4.000 - 5.000 tấn sản phẩm felspat thô và 1.000 - 2.000 tấn felspat phong hóa tại mỏ felspat Hán Đà.
- Đẩy mạnh công tác chào mẫu các dòng sản phẩm felspat bột sản xuất tại Xí nghiệp Văn Tiến. Tăng cường tìm kiếm khách hàng nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.
- Kinh doanh thương mại các sản phẩm khác.

* **Về thị trường Graphite:**

- Lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo phân tích thị trường. Tiếp tục tìm kiếm đối tác hợp tác trong việc sản xuất và kinh doanh Graphite chất lượng cao để chuẩn bị cho dự án đầu tư nhà máy chế biến graphite khi hoàn thiện việc xin cấp phép điếm mỏ mới.

*** Hợp tác kinh doanh:**

- Tiếp tục duy trì ổn định chương trình hợp tác với Thanh Sơn tại mỏ Đào Lâm và Công ty Cổ phần Đá trắng YVN, Công ty Cổ phần Thái Hà Yên Bái tại Xí nghiệp nghiên Văn Tiến đảm bảo hiệu quả.

4. Công tác đầu tư mở rộng sản xuất trong năm 2019

❖ Trong 04 tháng đầu năm 2019 đã thực hiện một số hạng mục như:

- Phương án đền bù bãi thải phía Tây mỏ đá vôi trắng Đào Lâm
- Phương án thuê đất bổ sung phía Tây Nam mỏ fenspat thôn Hồng Quân, xã Hán Đà.
- Phương án đầu tư máy xúc và lắp đặt trạm cân tại mỏ fenspat thôn Hồng Quân, xã Hán Đà.

❖ Tiếp tục thực hiện các Dự án, cụ thể:

- Thi công Đề án thăm dò, lập báo cáo kết quả thăm dò, trình phê duyệt trữ lượng mỏ graphit thuộc các xã An Bình, Đông Công, Ngòi A và Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
- Thực hiện công tác đóng cửa mỏ graphit Mậu A và mỏ fenspat Dốc 6000.
- Khảo sát, tìm kiếm các điểm mỏ mới (fenspat, cao lanh, đá xây dựng, đá granite...).

C. KIẾN NGHỊ

Về định hướng lâu dài, Ban điều hành có một số kiến nghị với Đại hội như sau:

1. Tiếp tục mở rộng tìm kiếm các mỏ mới cũng như loại khoáng sản khác trên địa bàn tỉnh Yên Bái và các tỉnh khác.
2. Ban Điều hành báo cáo HĐQT để xem xét các khoản công nợ tồn đọng (Khách hàng & cá nhân) liên quan đến hoạt động SXKD để công ty có kế hoạch phân bổ chi phí hợp lý hàng năm.
3. Thuê đơn vị tư vấn đánh giá thị trường tiêu thụ sản phẩm graphite chất lượng cao. Tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư sản xuất graphite chất lượng cao khi có giấy phép khai thác.
4. Chủ động tìm kiếm đối tác để hợp tác kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm phát huy lợi thế các mảng kinh doanh có sẵn.

Chi phí phát sinh cụ thể, Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Rất mong nhận được sự đóng góp của quý vị cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN YÊN BÁI VPG